

Bản án số: 74/2021/HS-ST

Ngày: 28/12/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Trọng;

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang- tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm V án hình sự thụ lý số: 70/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa V án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST- HS, ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Viết D, sinh năm 1978 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Viết L và bà Vũ Thị X; có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43A, ngày 27/02/2019 của Tr công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Buôn bán, tàng trữ hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu, mức phạt 1.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019 chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Đức V, sinh năm 1972 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Đức Đ (đã chết) và bà Bùi Thị N; có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đa Tr, sinh năm 1985 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đa N và bà Bùi Thị M (đã chết); có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị

cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Hữu T, sinh năm 1986 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Hữu T1 và bà Lê Thị H; có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Khắc Th, sinh năm 1978 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Khắc Th1 và bà Phạm Thị N1; có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Duy Đ, sinh năm 1975 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Duy T2 (đã chết) và bà Lê Thị H1; có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 63/QĐ- XPVPHC, ngày 10/02/2017 của Tr công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.000.000 đồng. Ngày 14/02/2017 chấp hành xong. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 163/QĐ- XPVPHC, ngày 14/7/2017 của Tr công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 2.000.000 đồng. Ngày 20/7/2017 chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Văn N, sinh năm 1977 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn X1 (tên gọi khác Phạm Đình B) (đã chết) và bà Phạm Thị T1; có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2021 đến ngày 14/9/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Phạm Viết L.

NỘI DUNG V ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ V án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung V án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/9/2021, Phạm Viết D sử dụng điện thoại Iphone 6S màu bạc, lắp sim số 0969.702.118 gọi vào số 0972.053.269 lắp trong điện thoại Samsung galaxy J8 màu tím của Nguyễn Đa Tr. D nói "Có làm tí không để chú cháu làm tí đồ nhậu", tức là D rủ Tr đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Tr nói "Cháu không có tiền" thì D bảo cho Tr vay 02 triệu đồng. Sau đó D sử dụng số điện thoại nêu trên gọi cho Phạm Hữu T vào số điện thoại 0337.713.772 lắp trong điện thoại Nokia màu đen của Phạm Hữu T rồi nói: "Có làm tí không", tức là chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Tiếp đó D gọi vào số điện thoại 0346.240.313, lắp trong điện thoại Samsung galaxy A20S màu đen của Bùi Đức V, rủ V sang nhà D đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền.

Khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày T, N đến nhà D ngồi chơi, D mượn xe mô tô của một người không quen biết (không biết đặc điểm xe) đi đón V sang nhà D đánh bạc. Khi D cùng V đến nhà D thì D, N, V, T ngồi trong bếp nhà D ngồi chơi. Ngay lúc đó Tr đến, D cho Tr vay 2.000.000 đồng, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D, N, V, T, Tr ngồi tại bếp nhà D đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền hình thức đánh liêng. Khi bắt đầu chơi D là người chia bài đầu tiên. Một lúc sau, anh Phạm Viết L, sinh năm 1983 ở thôn Văn Diệm, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang vào chơi không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Trần Khắc Th đến tham gia đánh bạc cùng. Sau đó khoảng 20 phút, Bùi Duy Đ đến nhà D tham gia đánh bạc cùng với D, N, V, T, Tr, Th. Đến khoảng 16 giờ 37 phút cùng ngày khi D, N, V, T, Tr, Th, Đ đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền hình thức đánh liêng thì bị lực lượng Công an huyện Ninh Giang kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại chiếu bạc: 01 bộ T lơ khơ 52 quân từ A- K; 01 chiếu nhựa; số tiền 3.640.000 đồng. Thu giữ trên người Đ 125.000 đồng, Tr 400.000 đồng, V 2.870.000 đồng là số tiền các bị cáo đã và sẽ sử dụng để đánh bạc. Thu trên người T 4.500.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo khai sử dụng số tiền vào việc đánh bạc cụ thể như sau: D có 3.000.000 đồng (Trong đó: D có 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng do D đòi nợ của Tr trong quá trình đánh bạc), Tr có 2.000.000 đồng (vay của D trước khi đánh bạc, trong khi đánh bạc đã trả D), N 250.000 đồng, Đ 325.000 đồng, T 400.000 đồng (bỏ ra đánh bạc 400.000 đồng), Th 500.000 đồng (T trả nợ, trong đó 400.000 đồng do T thắng bạc và 100.000 đồng là số tiền T không sử dụng đánh bạc), V 3.200.000 đồng (mang đi 2.700.000 đồng và vay của Tr 500.000 đồng, trong quá trình đánh bạc trả nợ Tr 360.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 9.675.000 đồng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Tuy nhiên quá trình bắt giữ Công an huyện Ninh Giang thu giữ được: 7.035.000 đồng (bảy triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng), trong đó: 3.640.000 đồng (ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) ở tại chiếu bạc, 125.000 đồng trên người Đ, 400.000 đồng trên người Tr, 2.870.000 đồng trên người V. Các bị cáo khai đã và sẽ sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc. Ngoài các bị cáo nêu trên không có ai khác tham gia đánh bạc, không ai khác bỏ thêm tiền vào chiếu bạc và không ai cầm tiền rời khỏi chiếu bạc.

Giữa số tiền các bị cáo khai dùng để đánh bạc là 9.675.000 đồng với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 7.035.000 đồng không phù hợp với nhau, chênh lệch 2.640.000 đồng. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 9.675.000 đồng.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ninh Giang đã nhập kho vật chứng: 01 Bộ T lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa; 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, lắp sim số 0969.702.118 của Phạm Viết D; 01 điện thoại Samsung Galaxy A20S, màu đen, lắp sim số 0346.240.313 của Bùi Đức V; 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen, lắp sim số 0337.713.772 của Phạm Hữu T; 01 điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím, lắp sim số 0972.053.269 của Nguyễn Đa Tr; số tiền 7.035.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc hiện đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước huyện Ninh Giang chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 69/CT- VKSNG, ngày 24/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321- Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58- Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N; Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Trần Khắc Th, Phạm Văn N được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Bùi Duy Đ được áp dụng thêm Điều 65 BLHS. Các bị cáo Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Phạm Văn N được áp dụng thêm Điều 36 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Viết D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức V từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đa Tr từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo D, V, Tr, Đ cho UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Khắc Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T, Th, N cho UBND xã Hưng Long, huyện Ninh Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 7% thu nhập của các bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 - Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài 52 quân từ quân A đến quân K, 01 chiếu nhựa; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.035.000

đồng; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S, màu bạc của Phạm Viết D, tịch thu tiêu huỷ sim số 0969.702.118; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy A20S, màu đen của Bùi Đức V, tịch thu tiêu huỷ sim 03446.240.313; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen của Phạm Hữu T, tịch thu tiêu huỷ sim số 0337.713.772; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím của Nguyễn Đa Tr, tịch thu tiêu huỷ sim số 0972.053.269; Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Đa Tr (chưa thu); Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Trần Khắc Th (chưa thu); Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000 đồng của Bùi Đức V (chưa thu); Trả lại bị cáo Phạm Hữu T số tiền 4.500.000 đồng nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của đại diện viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng, đề nghị HĐXX xử phạt cho bị cáo ở mức hình phạt thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung V án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ V án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra, người làm chứng, biên bản V việc và các tài liệu khác có trong hồ sơ V án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 37 phút ngày 11/9/2021, tại phòng bếp của gia đình Phạm Viết D, ở Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, hình thức đánh "liêng" thì bị Công an huyện Ninh Giang kiểm tra, phát hiện, lập biên bản V việc, thu giữ tang vật gồm: 01 bộ bài T lơ khơ 52 quân từ A- K. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 9.675.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng*).

[3]. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức "đánh Liêng" là trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Giữa số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 7.035.000 đồng với số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 9.675.000 đồng là không phù hợp nhau. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.675.000 đồng. Nên xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc

là 9.675.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trong khi nhà nước ta coi Đánh bạc là tội phạm hình sự, là một tệ nạn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các vi phạm pháp luật khác việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung có hiệu quả.

[5]. Về vị trí, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo có sự thống nhất ý trí cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, nên đây chỉ là V án đồng phạm giản đơn. Trong V án này bị cáo D là người đề xuất, rủ rê, sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong V án, bị cáo Bùi Đức V sử dụng số tiền 3.200.000 đồng dùng để đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo Tr sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, tham gia sau các bị cáo khác nên các bị cáo V, Tr cùng giữ vai trò thứ hai trong V án; Bị cáo T dùng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, bị cáo Th sử dụng số tiền 500.000 đồng tham gia sau cùng so với các bị cáo khác nên bị cáo T, Th vai trò gần Nng nhau đứng thứ ba trong V án; Bị cáo Đ dùng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc, tham gia sau cùng, bị cáo N sử dụng số tiền 250.000 đồng để đánh bạc, tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt nên bị cáo Đ và N giữ vai trò gần Nng nhau đứng thứ tư trong V án.

[6]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo V, Tr, T, Th, N có nhân thân tốt. Bị cáo D, Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính đã được xóa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ áp dụng tình tiết này cho tất cả các bị cáo. Bị cáo D có bố đẻ là ông Phạm Viết L là thương binh hạng 4/4, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, bị cáo V có bố đẻ là ông Bùi Đức Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo Th có bố đẻ là ông Trần Khắc Th1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, bị cáo N có mẹ đẻ là bà Phạm Thị T1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ áp dụng tình tiết này cho các bị cáo D, V, Th, N.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Các bị cáo chỉ sử dụng số tiền thấp tham

gia đánh bạc và đánh bạc trong thời gian ngắn. Đối với các bị Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Bùi Duy Đ. HĐXX xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tuy bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Bùi Đức V tham gia đánh bạc và đã 01 lần bị xử phạt vi hành chính về hành vi Buôn bán, tàng trữ hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu đã được xóa và bị cáo Đ đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đã được xóa nhưng hành vi của các bị cáo trong V án đánh bạc chỉ là bột phát, nhất thời phạm tội nên cho các bị cáo D, V, Tr, Đ được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo D, V, Tr, Đ có cơ hội tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với các bị cáo Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Phạm Văn N. HĐXX thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho các bị cáo được lao động cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật. Khấu trừ 7 % thu nhập hàng tháng của các bị cáo T, Th, N sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc trái phép, sát phạt nhau được thua bằng tiền, do vậy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có biện pháp giáo dục đối với các bị cáo cũng như những người khác nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo D, V, Tr, T, Th, Đ, N là phù hợp với khoản 3 Điều 321 BLHS.

[8]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền trên chiếu bạc là 7.035.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Đa Tr, vay của D trước khi đánh bạc, trong khi đánh bạc đã trả D cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước (chưa thu); Đối với số tiền 500.000 đồng của Trần Khắc Th do T trả nợ trước khi đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước (chưa thu); Đối với Bùi Đức V (mang đi 2.700.000 đồng và vay của Tr 500.000 đồng, trong quá trình đánh bạc trả nợ Tr 360.000 đồng) số tiền còn lại là 140.000 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước (chưa thu); Đối với 01 bộ bài 52 quân từ quân A đến quân K là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, 01 chiếu nhựa không có giá trị kinh tế nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại Iphone 6S, màu bạc của Phạm Viết D; 01 điện thoại Samsung Galaxy A20S, màu đen của Bùi Đức V; 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen của Phạm Hữu T; 01 điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím của Nguyễn Đa Tr là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với sim số 0969.702.118 của Phạm Viết D, sim số 0346.240.313 của Bùi Đức V, sim số 0337.713.772 của Phạm Hữu T, sim số 0972.053.269 của Nguyễn Đa Tr cần tịch thu tiêu hủy. Trả lại bị cáo Phạm Hữu T số tiền 4.500.000 đồng nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Các vấn đề khác: Quá trình điều tra xác định anh Phạm Viết L không tham gia vào việc đánh bạc nên không đặt ra việc xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Đa Tr, Bùi Duy Đ;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Phạm Hữu T;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS đối với các bị cáo Trần Khắc Th, Phạm Văn N;

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết D 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức V 8 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đa Tr 7 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Duy Đ 7 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án; Khấu trừ 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Hữu T nộp vào ngân sách Nhà nước; Thời hạn khấu trừ thu nhập bằng với thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Khắc Th 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án; Khấu trừ 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Khắc Th nộp vào ngân sách Nhà nước; Thời hạn khấu trừ thu nhập bằng với thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án; Khấu trừ 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Văn N nộp vào ngân sách Nhà nước; Thời hạn khấu trừ thu nhập bằng với thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Bùi Duy Đ cho UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc

giám sát giáo dục các bị cáo. Trường hợp Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Bùi Duy Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa V của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Phạm Văn N cho UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết D 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Xử phạt các bị cáo Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài T lơ khơ 52 quân từ A đến K, 01 chiếc nhựa, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.035.000 đồng (Bảy triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S, màu bạc của Phạm Viết D, tịch thu tiêu hủy sim số 0969.702.118; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy A20S, màu đen của Bùi Đức V, tịch thu tiêu hủy sim số 0346.240.313; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen của Phạm Hữu T, tịch thu tiêu hủy sim số 0337.713.772; Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím của Nguyễn Đa Tr, tịch thu tiêu hủy sim số 0972.053.269; Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Đa Tr (chưa thu); Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Trần Khắc Th (chưa thu); Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000 đồng của Bùi Đức V (chưa thu); Trả lại bị cáo Phạm Hữu T số tiền 4.500.000 đồng nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Ninh Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang ngày 22/11/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Viết D, Bùi Đức V, Nguyễn Đa Tr, Phạm Hữu T, Trần Khắc Th, Bùi Duy Đ, Phạm Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HS- NV- Công an huyện Ninh Giang;
- THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ V án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

BÙI QUÝ LONG

